

Theo dấu dòng tiền

TOP CỔ PHIẾU

— —
Ngày 11 tháng 09, 2025

Xem thêm



Bộ phận Phân tích & Đầu tư
Research & Proprietary trading



- Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến phản ánh có dòng tiền mới tham gia.
- Điều này có thể tạo ra sự biến động giá mạnh hơn, đồng nghĩa sẽ xuất hiện cơ hội kiếm lợi nhuận từ chênh lệch giá



STT	Mã	Ngày	Giá đóng cửa	KLGD	KL TB 30P	Gấp TB 30P
1	S99	10/09/2025	10.1	1.709.300	413.170	4.14
2	TAL	10/09/2025	41.6	3.200.800	965.200	3.32
3	RYG	10/09/2025	14.3	1.091.700	366.227	2.98
4	AVG	10/09/2025	15.8	533.800	207.047	2.58
5	C69	10/09/2025	12.3	1.057.600	609.020	1.74
6	CDC	10/09/2025	29.2	884.800	522.203	1.69
7	MZG	10/09/2025	16.2	2.062.200	1.257.797	1.64
8	HT1	10/09/2025	18.4	2.522.200	1.545.897	1.63
9	DBC	10/09/2025	29.4	15.924.600	10.822.710	1.47
10	CRC	10/09/2025	10.7	1.920.200	1.398.183	1.37
11	MBS	10/09/2025	36.5	12.592.600	10.126.490	1.24
12	GMD	10/09/2025	68.7	5.264.800	4.281.870	1.23
13	HVN	10/09/2025	32	1.741.700	1.445.380	1.21
14	DCL	10/09/2025	24.8	535.500	480.957	1.11
15	AAS	10/09/2025	14.9	2.643.200	2.389.457	1.11
16	KLB	10/09/2025	23.6	698.300	667.320	1.05



- Cổ phiếu nằm trên MA200 cho thấy xu hướng dài hạn tích cực và tâm lý thị trường lạc quan.
- Khoảng cách giữa giá đóng cửa và MA200 nhỏ hơn 7% cho thấy cổ phiếu chưa bị mua quá đà, vẫn còn dư địa tăng.



STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	TBKL 10 phiên	RSI(14)	MA 200	% Close - MA200	MACD Hist W	MACD Hist M
1	AAA	10/09/2025	8.06	2.368.010	47.09	7.83	2.96	0.11	0.02
2	ASM	10/09/2025	8.13	1.165.260	45.31	7.88	3.14	0.11	-0.04
3	BID	10/09/2025	40.7	9.325.820	48.11	38.37	6.07	0.61	-0.2
4	BMI	10/09/2025	21.6	563.010	48.64	20.76	4.04	0.1	0.1
5	DL1	10/09/2025	6.7	865.360	44.43	6.61	1.36	-0.26	0.29
6	DVM	10/09/2025	8	612.980	58.61	7.56	5.85	0.16	0.09
7	IDC	10/09/2025	43	1.845.640	50.92	41.81	2.84	0.95	-1.01
8	NTL	10/09/2025	18.85	1.684.030	41.16	17.77	6.11	0.06	-0.27
9	PVD	10/09/2025	22.7	6.855.510	59.66	21.62	5.2	0.43	-0.62
10	PVS	10/09/2025	34.3	4.686.850	47.7	32.34	6.05	0.33	-0.59
11	SSB	10/09/2025	19.95	2.902.660	44.73	18.84	5.91	0.14	0.32
12	TDC	10/09/2025	12.15	939.170	42.06	11.66	4.24	0.08	0.31
13	VNM	10/09/2025	59.8	4.361.400	45.38	58.89	1.54	0.35	0.07
14	VPI	10/09/2025	58.8	2.646.220	62.64	55.68	5.61	0.87	-0.54

Đỉnh và đáy là mức
kháng cự và hỗ trợ
quan trọng của cổ phiếu

Vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Cao nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	AGR	18.2	18.46	3.075.850
2	DFF	1.4	1.42	3019600
3	DIG	23.55	23.84	27.151.430
4	DL1	6.7	6.74	865.360
5	DSE	28.3	29.15	1887500
6	EVG	10.55	10.64	4.238.330
7	KBC	37.8	38.05	11.914.290
8	PSI	9.2	9.23	1.270.430
9	VND	24.2	24.36	43.784.360

Vượt đỉnh 3 tháng nhưng chưa vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã	Giá	H13W	KLTB 10 phiên
1	RYG	14.3	14.2	835.660
2	VPI	58.8	58.5	2.646.220

Phá đáy 3 tháng

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 3 m	TBKL 10 phiên
1	CSV	32.75	32.6	737.520
2	GAS	61.9	61.6	1.055.230
3	HND	11.6	11.5	31.900
4	HVH	13.1	12.7	295.660
5	NBC	9	8.8	76.870
6	PLX	35.4	35.15	1.753.750

Phá đáy 1 năm

Cổ phiếu cắt lên trên các đường trung bình có thể phát tín hiệu mua cho một nhịp tăng giá mới

Cắt lên đường trung bình MA200

Cắt lên đường trung bình MA50

Cắt lên đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	BSR	27.1	26.39	13.329.150
2	CTG	50.5	50.2	11.372.740
3	DBC	29.4	28.55	8426590
4	GIL	20	19.79	1.379.050
5	KHG	7.15	07.09	11.624.790
7	PAN	33.25	32.69	1776740
8	PNJ	86.2	85.9	749970
9	PVC	12.1	12.09	1599590
10	PVD	22.7	22.15	6855510
11	REE	66.9	66.16	1017410
12	TCB	39	38.93	24721680
13	TTH	2.9	2.88	652120
14	VCB	65.8	65.49	11918730
15	VHG	2.5	2.41	880570
16	VTZ	19	18.9	2055130

Cổ phiếu cắt xuống dưới các đường trung bình phát tín hiệu bán khi giá có thể giảm sâu hơn



Cắt xuống đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	DRH	2.96	2.96	943.660
2	NHA	22.35	22.71	972.020
3	YEG	13.55	13.63	2538360

Cắt xuống đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	API	8.6	8.69	546.740
2	ASM	8.13	8.19	1.165.260
3	BCG	3.58	3.62	6481830
4	DFF	1.4	1.48	3.019.600
5	EIB	26.9	26.93	15.935.830
6	EVF	13.2	13.35	13.205.200
7	HHS	16.9	17.01	6.327.530
8	HTN	11.3	11.34	1.362.150
9	NLG	41.3	41.63	3908600
10	OGC	4.56	4.57	1049140
11	TLH	5.94	5.97	666550

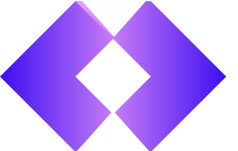
Cắt xuống đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	AGR	18.2	18.46	3.075.850
2	DFF	1.4	1.42	3.019.600
3	DIG	23.55	23.84	27151430
4	DL1	6.7	6.74	865.360
5	DSE	28.3	29.15	1.887.500
7	KBC	37.8	38.05	11914290
8	PSI	9.2	9.23	1270430
9	VND	24.2	24.36	43784360



Cổ phiếu có giai đoạn tích lũy trong biên độ hẹp. Thông thường quá trình tích lũy càng lâu với Bollinger band co hẹp cực đại thì theo sau sẽ là giai đoạn biến động mạnh.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	Giá thấp nhất 3T	Giá cao nhất 3T	Biên độ %	KLTB 5 phiên
1	QNS	10/09/2025	47	45.97	49.1	6.8	146.200
2	QTP	10/09/2025	13.4	13	13.9	6.9	386.860
3	VEA	10/09/2025	39.3	37.9	40.9	7.9	855.340
4	SAB	10/09/2025	46.25	45.45	50	10	897.880
5	PPC	10/09/2025	10.85	10.75	11.85	10.2	571.320
6	TNH	10/09/2025	15.75	15.6	17.2	10.3	382.860
7	SJD	10/09/2025	15.9	14.5	16	10.3	267.220
8	CLL	10/09/2025	35.95	33	36.6	10.9	105.040
9	SBG	10/09/2025	12.6	11.75	13.05	11.1	136.800
10	PVP	10/09/2025	15.1	14.75	16.4	11.2	134.320
11	BWE	10/09/2025	46.7	46.65	51.9	11.3	133.320
12	PVT	10/09/2025	17.95	17.59	19.6	11.4	3.625.960
13	REE	10/09/2025	66.9	63.9	71.2	11.4	1.290.780
14	SCS	10/09/2025	59.7	59.5	66.3	11.4	265.420
15	SVT	10/09/2025	13.3	12.35	13.8	11.7	126.860
16	IMP	10/09/2025	54.5	50.3	56.5	12.3	92.140
17	VLC	10/09/2025	15.1	14.09	16.9	13.4	140.720
18	KDC	10/09/2025	54.1	51.9	59	13.7	371.760
19	VIP	10/09/2025	13.35	12.4	14.1	13.7	231.620
20	ABI	10/09/2025	29.1	27.9	31.8	14	299.520
21	KHP	10/09/2025	12.7	11.65	13.3	14.2	82440
22	FMC	10/09/2025	37.8	35.2	40.3	14.5	89380



Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư

Nguyễn Văn Thanh

Phụ trách khối Phân tích & Tự doanh

Email: thanhnv@apsc.vn

Phân tích cơ bản

Nguyễn Kim Dung

Chuyên viên phân tích

Email: dungnk@apsc.vn

Chiến lược giao dịch

Nguyễn Văn Thiệu

Chuyên viên phân tích

Email: thieunv@apsc.vn

Cam kết phân tích

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

Khuyến nghị

- CANH MUA** Giá cổ phiếu hiện tại trong vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.
- CHỜ MUA** Giá cổ phiếu hiện tại cao hơn vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.
- TRUNG LẬP** Ước tính giá cổ phiếu có thể tăng/giảm 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.
- CANH BÁN** Ước tính tiềm năng giảm giá trên 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.



Tuyên bố trách nhiệm

Bản báo cáo và các tài liệu đi kèm chỉ phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin tham khảo và được phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (APSC), một doanh nghiệp được cấp phép bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và APSC không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay tác động đến bất kỳ chứng khoán nào. Bất kỳ quyết định đầu tư nào đều dựa trên đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo này cùng với các tài liệu đi kèm không thể được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tranh chấp pháp lý nào liên quan đến quyết định đầu tư.

© Copyright - Bản quyền thuộc về APSC. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của APSC. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. APSC có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho APSC.

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Alpha

Hội sở chính

Tầng 1, 1A, 2-389 Đê La Thành, P. Thành Công, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội
Điện thoại: (024) 3933 4666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 8, số 04/B1 lô 26 BC đường Lê Hồng Phong, Phường
Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng
Điện thoại: 0913.399.635

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 5, Tòa nhà HDTC, 36 Bùi Thị Xuân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 3535 2115

Chi nhánh Thanh Hoá

Sảnh tầng 1, khách sạn Lam Kinh, Khu đô thị Đông Hương, Phường Đông
Hương, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá
Điện thoại: 0237 3515 009